CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Đầu tư và Phát triển Đức Quân

Ngày 31/12/2024	800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	14.3%	**0%**	**-**

DT thuần
Q4/24
53.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 10.3| 23.9%
YoY: ▲ 18.6| 53.6%

LN thuần
Q4/24
-30.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▼13.0| -74.1%
YoY: ▲ 0.30| 1.1%

LN sau thuế
Q4/24
-45.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▼15.2| -50.3%
YoY: ▲ 2.30| 4.9%

Tỷ suất lãi EBIT
2024
-28.1%
YoY: +/-▲ 97.0%

ROE
2024
16.5%
YoY: +/-▼ 42.6%

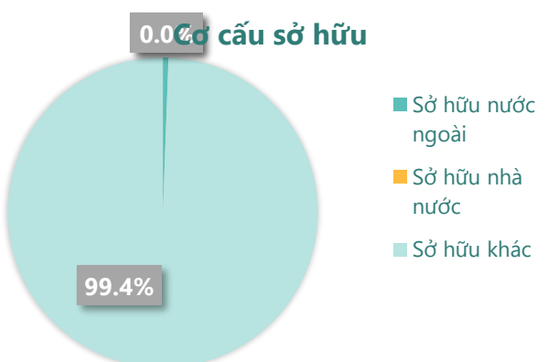
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	500 - 1,200
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	40
Số lượng CPLH (CP)	50,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	41,970
Sở hữu nước ngoài	0.6%
Beta	(0.83)
EPS	-2,547
P/E	-0.3

DT thuần
2024
183
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 8.00| 4.5%

LN thuần
2024
-174
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 74.0| 29.8%

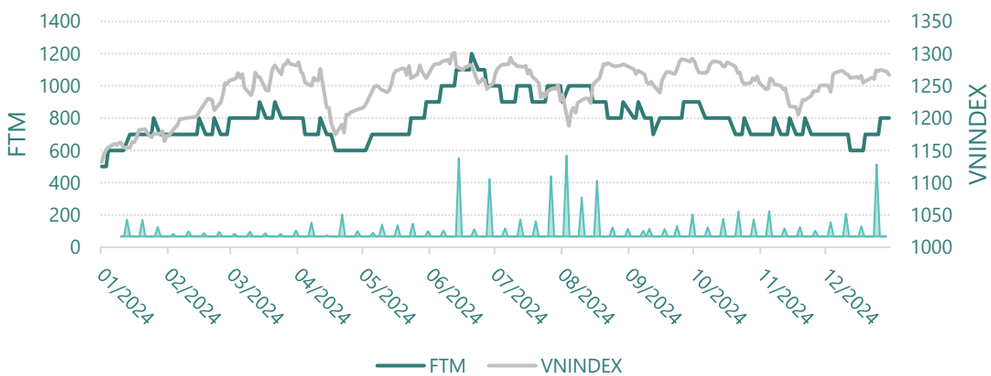
LN sau thuế
2024
-127
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 195| 60.5%

Cơ cấu sở hữu

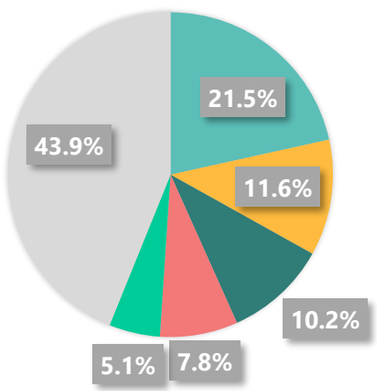


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



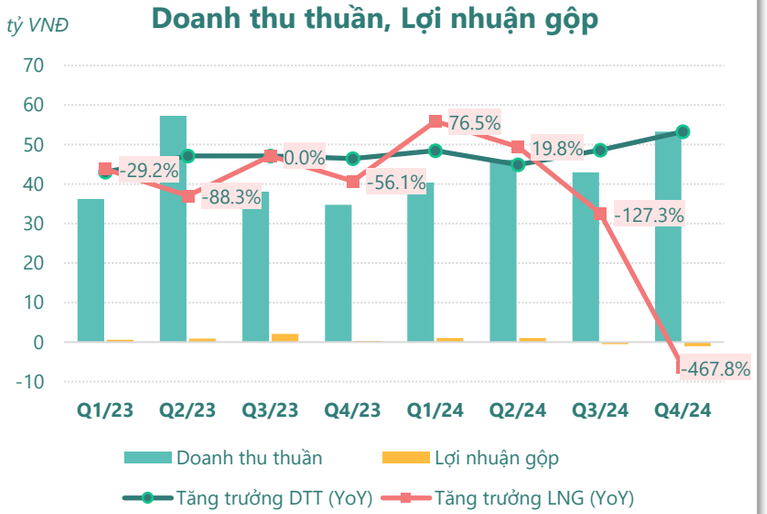
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

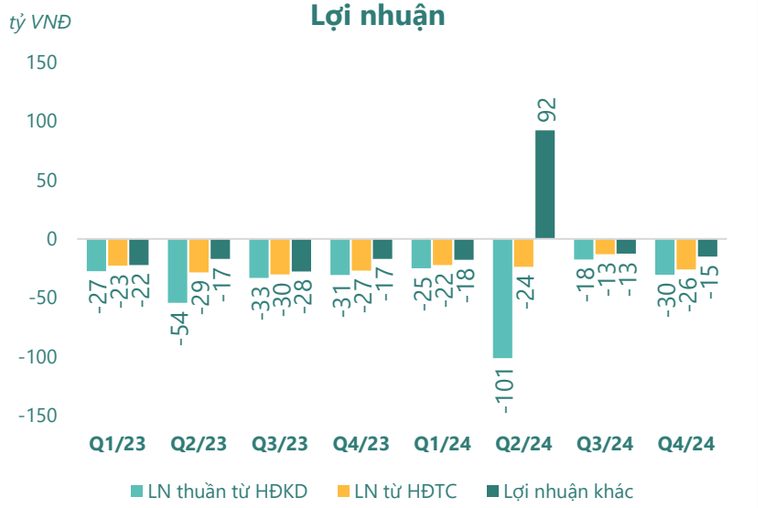
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



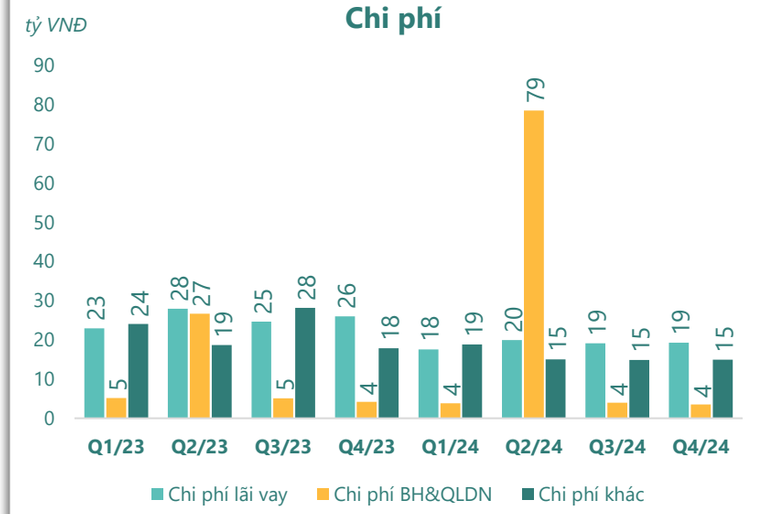
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



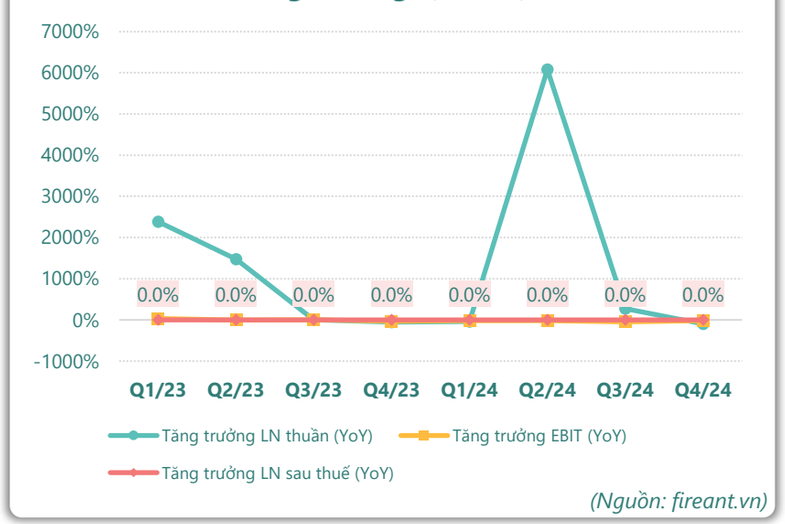
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



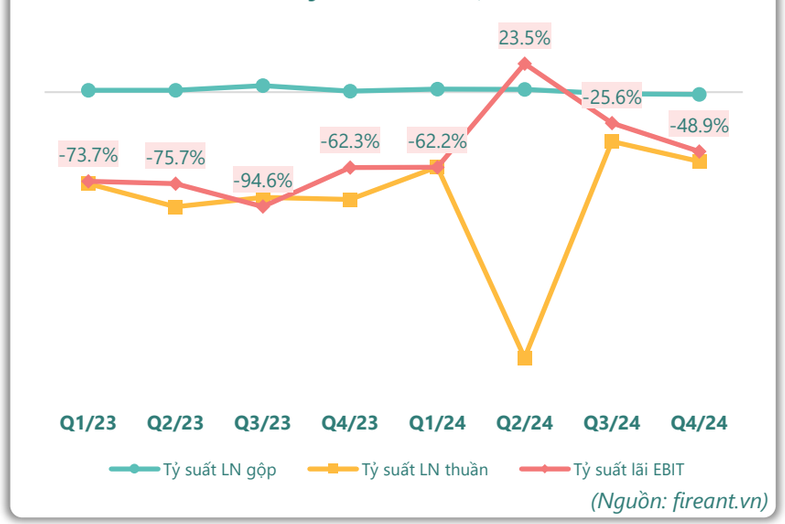
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



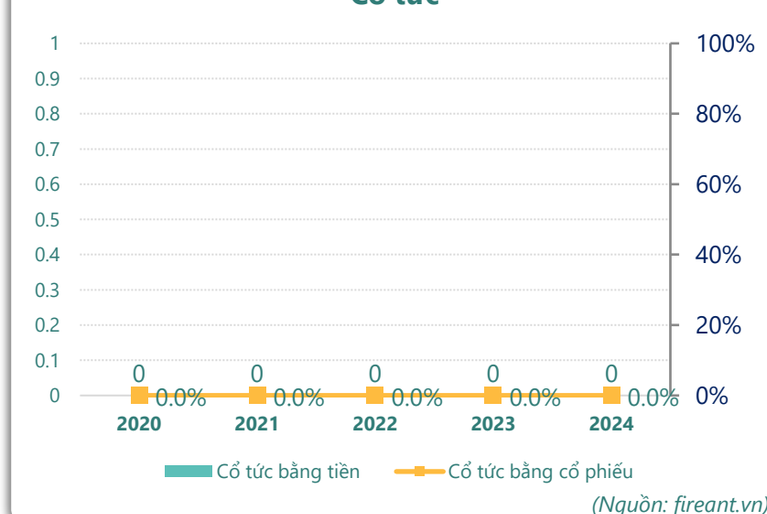
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

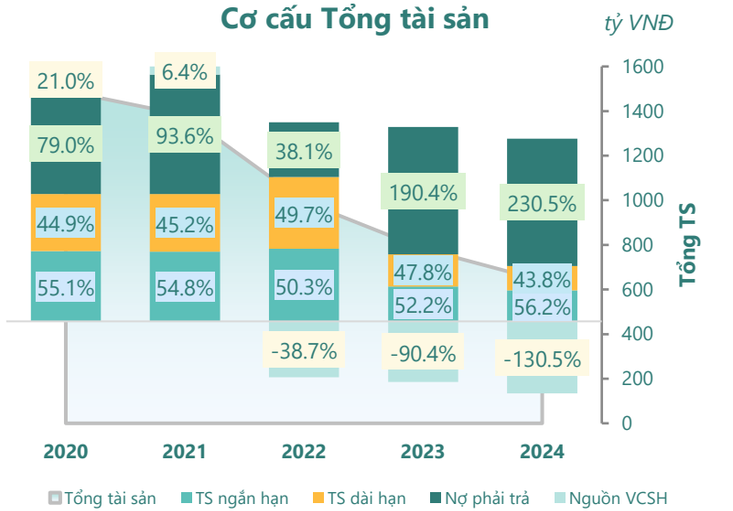
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

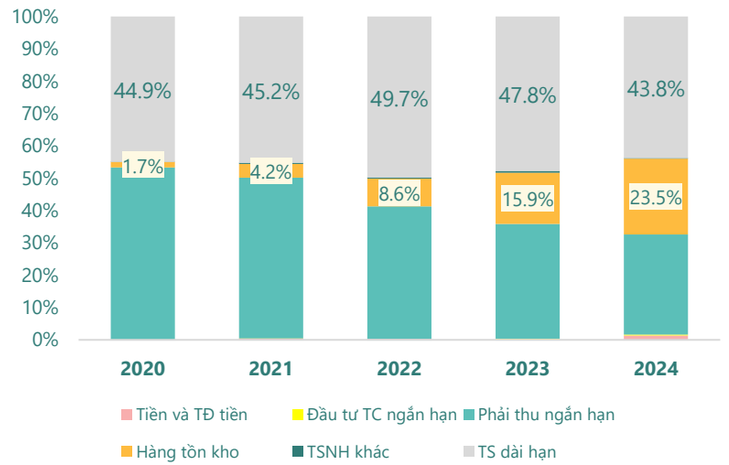
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



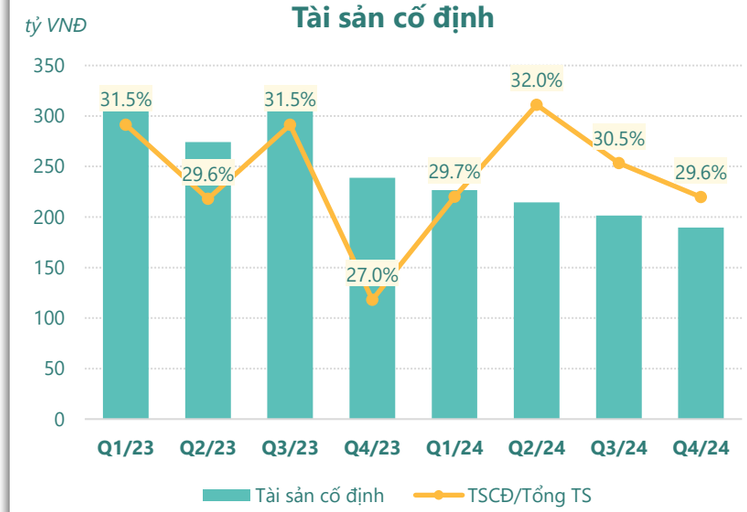
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



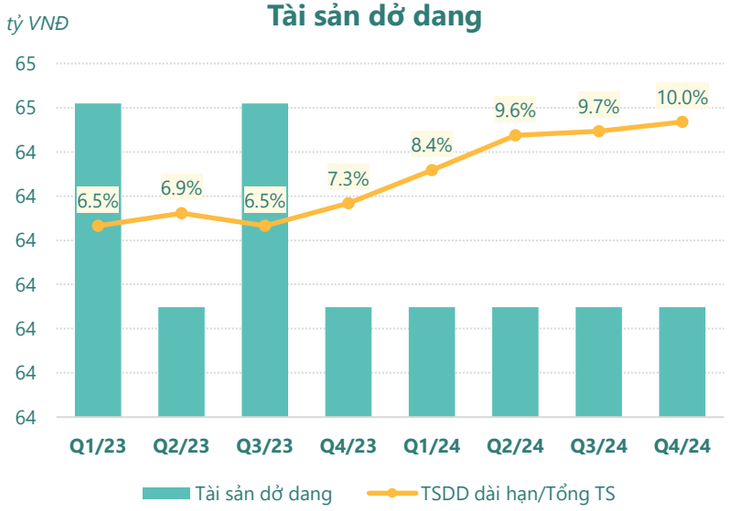
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



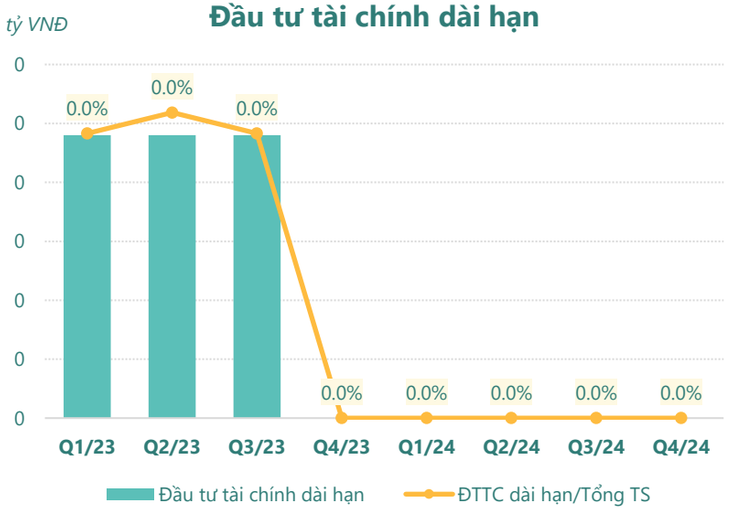
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



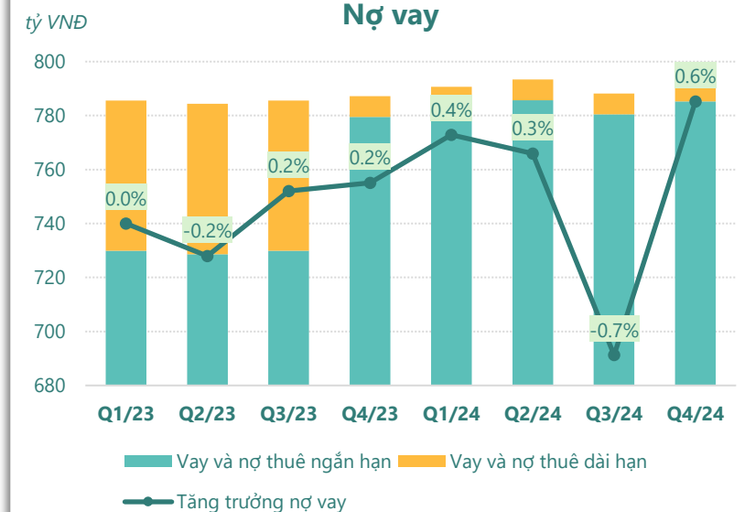
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

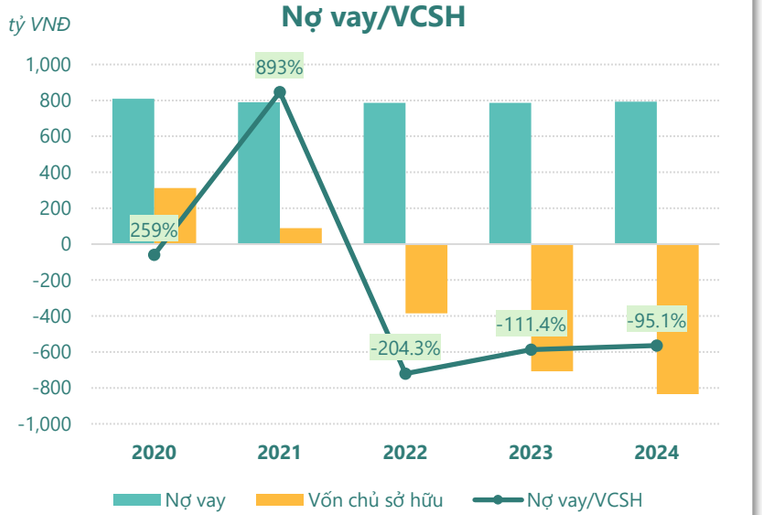
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

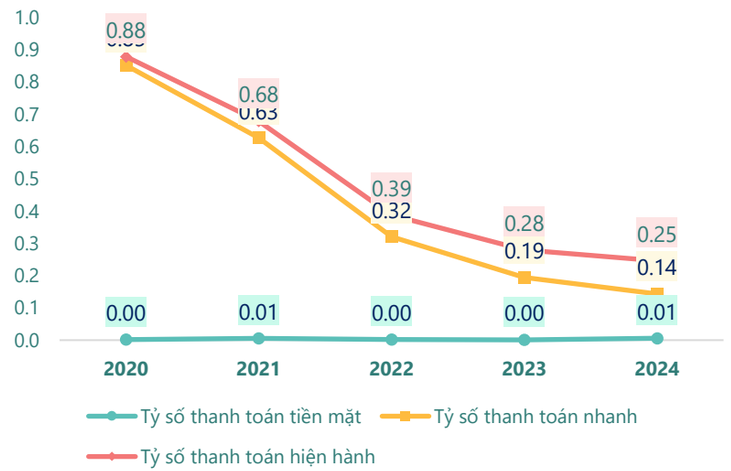
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



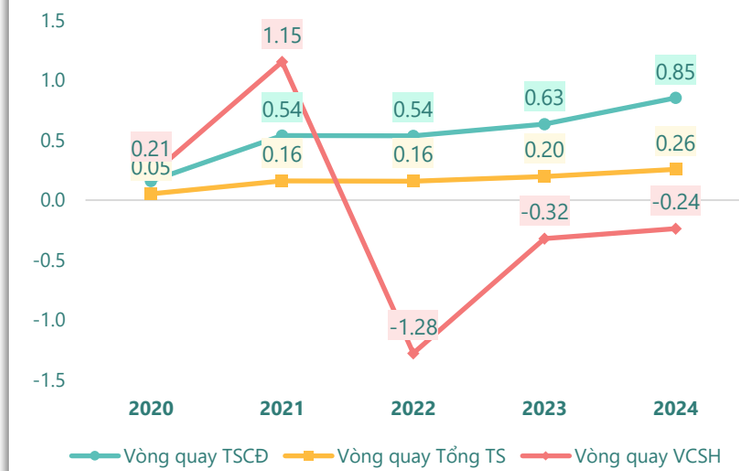
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



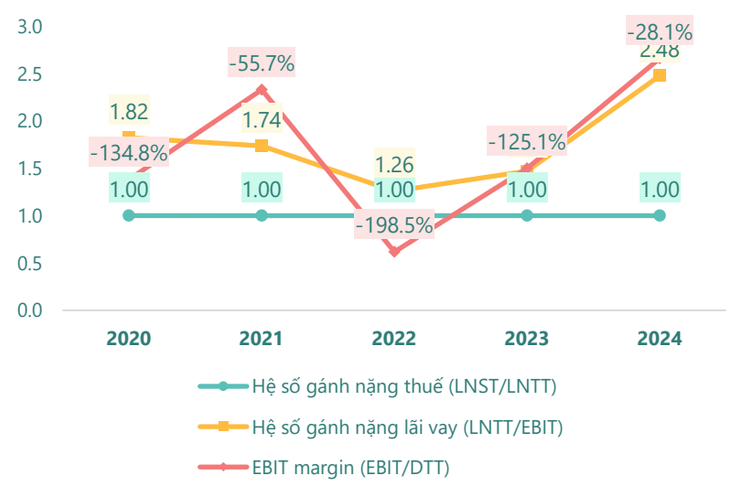
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



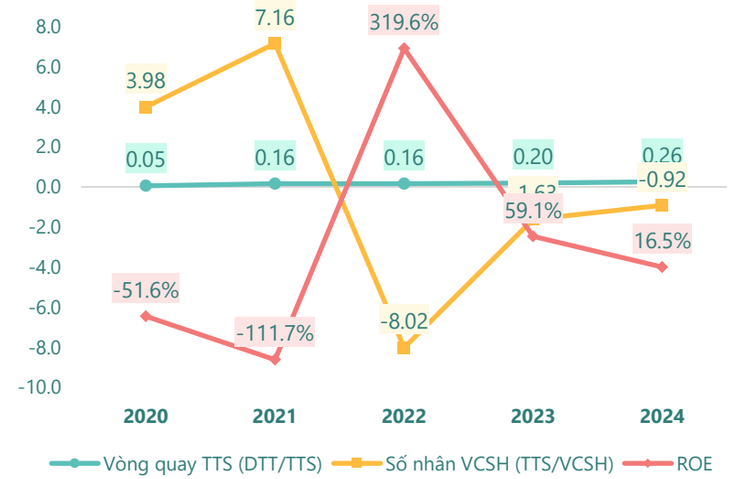
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



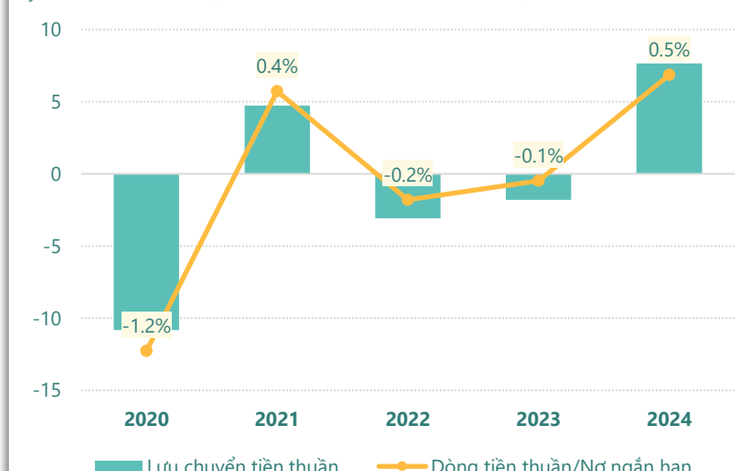
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**53.3**	**34.7**	**53.6%**	**183**	**175**	**4.5%**
Giá vốn hàng bán	54.3	34.4	57.8%	182	172	5.8%
Lợi nhuận gộp	-1.01	0.27	-474%	0.49	2.61	-81.3%
Doanh thu HĐTC	0.08	0.10	-18.8%	6.50	0.44	1391%
Chi phí TC	26.0	27.0	-3.6%	91.4	111	-17.4%
Chi phí lãi vay	19.3	26.0	-25.7%	76.0	103	-26.5%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.45	0.20	127%	1.80	1.63	10.0%
Chi phí QLDN	**3.05**	**3.97**	**-23.1%**	**88.1**	**139**	**-36.6%**
LN thuần từ HĐKD	-30.5	-30.8	1.1%	-174	-248	29.8%
Lợi nhuận khác	**-14.9**	**-16.9**	**11.7%**	**46.9**	**-74.3**	**163%**
LN trước thuế	-45.4	-47.7	4.9%	-127	-322	60.5%
Lợi nhuận sau thuế	**-45.4**	**-47.7**	**4.9%**	**-127**	**-322**	**60.5%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-45.4**	**-47.7**	**4.9%**	**-127**	**-322**	**60.5%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1.85	-16.3	-11.9	-14.7	-1.64	-6.67
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-7.20	16.7	11.9	15.0	10.7	6.47
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0.75	-0.70	-0.15	-0.50	-0.45	-0.45
Tiền đầu kỳ	2.53	1.42	1.09	0.98	0.79	9.39
Lưu chuyển tiền thuần	**-4.60**	**-0.33**	**-0.10**	**-0.19**	**8.60**	**-0.65**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0.00	0	0
Tiền cuối kỳ	2.58	1.09	0.98	0.79	9.39	8.73

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**639**	**782**	**-18.3%**
Tài sản ngắn hạn	359	408	-12.0%
Tiền và tương đương tiền	8.73	1.09	703%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.50	1.50	0.0%
Phải thu ngắn hạn	198	278	-28.6%
Hàng tồn kho	150	124	20.9%
Tài sản ngắn hạn khác	0.95	4.02	-76.3%
Tài sản dài hạn	**280**	**374**	**-25.1%**
Phải thu dài hạn	24.2	68.1	-64.5%
Tài sản cố định	190	239	-20.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	64.0	64.0	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**2.26**	**2.99**	**-24.4%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,474	1,489	-1.0%
Nợ ngắn hạn	**1,461**	**1,461**	**0.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	785	779	0.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	49.0	48.7	0.7%
Nợ dài hạn	12.2	28.2	-56.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	7.70	7.70	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**-834**	**-707**	**-18.0%**
Vốn chủ sở hữu	**-834**	**-707**	**-18.0%**
Vốn điều lệ	500	500	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)